

Số: 34/2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1325/TTr-SGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 134/BC-STP ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Sở Tư pháp; ý kiến thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân thường kỳ tháng 4 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong

các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 và quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

## Điều 2. Danh mục các khoản thu, mức thu

Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
1. Các dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú tại trường		
a) Hợp đồng thuê người nấu ăn	đồng/học sinh/tháng	140.000
b) Quản lý học sinh trong giờ bán trú	đồng/học sinh/tháng	140.000
c) Phục vụ ăn bán trú	đồng/học sinh/ngày	30.000
d) Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	đồng/học sinh/năm	50.000
2. Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh		
a) Học 01 buổi/ngày	đồng/học sinh/tháng	10.000
b) Học 02 buổi/ngày	đồng/học sinh/tháng	15.000
3. Dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh		
a) Xe đạp	đồng/xe/tháng	30.000
b) Xe đạp điện, xe máy điện	đồng/xe/tháng	50.000
4. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngoài giờ quy định: Đón sớm, trả muộn; ngày thứ Bảy; trong thời gian nghỉ hè	Theo thỏa thuận	
5. Dịch vụ sử dụng máy điều hòa lớp học	Theo thực tế	
6. Dịch vụ đưa đón người học	Theo thỏa thuận	

### **Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi**

1. Các cơ sở giáo dục công lập phải xây dựng kế hoạch thu, chi cụ thể; thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Có sự thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ học sinh về mức thu cụ thể đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục, trên tinh thần tự nguyện, dân chủ, có sự thống nhất của tập thể lãnh đạo và giáo viên nhà trường, vì quyền lợi của học sinh.

2. Trong quá trình thực hiện các khoản thu, chi phải đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch. Thực hiện niêm yết công khai hằng tháng các khoản thu, chi theo quy định để cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các đoàn thể, tổ chức xã hội và Nhân dân theo dõi, giám sát.

3. Các khoản thu, chi phải có chứng từ đầy đủ theo quy định, được hạch toán vào hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán thu, chi hằng năm theo quy định tài chính hiện hành.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2026.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định đảm bảo đúng quy định pháp luật; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tế, bảo đảm hợp lý, tiết kiệm đối với các khoản thu của người học.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu, chi, công khai, minh bạch thu, chi theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh;
- V0, V1-4; các CVNCTH;
- Lưu VT, GD. 038.9

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hạnh**